**Mẫu Đề cương học phần dành cho các học phần lý thuyết**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 444/QĐ-ĐHYTCC ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y tế công cộng)*



ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Dành cho các học phần lý thuyết

1. Tên học phần: *[ghi theo Quyết định ban hành chương trình đào tạo]*
   * Tiếng Việt:
   * Tiếng Anh:
2. Mã số : *[ghi theo Quyết định ban hành chương trình đào tạo]*
3. Đối tượng: *[ghi rõ Tiến sỹ/CKII/Thạc sỹ/CKI/Cử nhân và định hướng (nếu có)]*
4. Ngành: *[ghi theo Quyết định ban hành chương trình đào tạo]*
5. Loại học phần : *[ghi rõ bắt buộc/tự chọn]*
6. Năm học*:[ghi năm học tổ chức lớp học phần, ví dụ: Năm học 2021-2022]*
7. **Số tín chỉ** *[ghi theo Quyết định ban hành chương trình đào tạo]* :
   * Tổng số tín chỉ:
   * Số tín chỉ lý thuyết:
   * Số tín chỉ thực hành:
8. Mô tả học phần *[tham khảo phần mô tả học phần trong chương trình đào tạo, nêu tóm tắt khoảng 3-5 câu gồm các thông tin sau: là học phần bắt buộc hay tự chọn, thuộc khối kiến thức nào trong CTĐT, nêu khái quát các kiến thức, kỹ năng và (hoặc)*  *năng lực*  *tự chủ và trách nhiệm mà người học đạt được sau khi học xong học phần này]*
9. Quan hệ với các học phần khác trong chương trình

* Học phần tiên quyết: *[ghi rõ tên các học phần bắt buộc phải hoàn thành trước khi học học phần này]*
* Học phần trước: *[Ghi rõ tên môn/các học phần học trước học phần này, có thể bao gồm cả các học phần đã học nhưng chưa thi, đã học nhưng chưa hoàn thành]*
* Môn song hành: *[Ghi rõ tên môn/các học phần đăng ký học học trước hoặc học đồng thời với học phần]*

1. Liên thông với các chương trình đào tạo khác: *[Ghi rõ các mức liên thông: Liên thông hoàn toàn/ Liên thông có ĐK/ Liên thông một phần/ Không liên thông]*
2. Mục tiêu của học phần: *[Viết dưới dạng mục tiêu chung, khái quát về kiến thức, kỹ năng và (hoặc)*  *năng lực tự chủ và trách nhiệm mà người học sẽ đạt được sau khi hoàn thành học phần]*
3. Chuẩn đầu ra học phần: *[tối đa 5 chuẩn đầu ra]*

| **Nhóm CĐR** | **Mã CĐR** | **Nội dung** | **Tương quan với CĐR của CTĐT** *[* *chi tiết đến mức tiêu chí PLO#.#]* |
| --- | --- | --- | --- |
| **[1]** | **[2]** | **[3]** | **[4]** |
| Kiến thức | CLO1 | … | PLO1.1 |
|  | CLO2 | … |  |
| … | … | PLO1.2 |
| Kỹ năng | CLO# | … | PLO2.1 |
| … | … | … |
| Năng lực tự chủ và trách nhiệm | CLO# | … | … |
| … | … | … |

1. Nội dung học phần

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **CĐR học phần** | **Thời gian\*** | | | | |
| **Lý thuyết \*\*** | | **Thực hành** | | **Tự học** |
| **Giảng trực tiếp hoặc trực tuyến (thời gian thực – synchronous)** | **Học tập trên diễn đàn (asynchronous)** | **Tại phòng thực hành, thí nghiệm tại trường** | **Tại bệnh viện/cơ sở thực hành** |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| …. |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng** |  |  |  |  |  |  |

**Ghi chú:** *\*Ghi số giờ thực tế, không ghi số giờ quy đổi*

*\*\* Giờ hướng dẫn SBL, thảo luận, đóng vai trên lớp, được tính tương đương giờ giảng lý thuyết*

*- Một giờ chuẩn tương đương với 50 phút giảng lý thuyết*

*- Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của sinh viên, bao gồm 15 giờ giảng (bao gồm cả thảo luận, thực hành đóng vai trên lớp), hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm hoặc 45giờ*  *thực hành/thực tập tại các cơ sở thực hành/bệnh viện và phần còn lại là giờ tự học.*

1. Điều kiện tổ chức thực hành (nếu có) (*Phần này chỉ ghi đối với các học phần có cấu phần thực hành tại phòng thực hành của Trường*)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên thiết bị/hoá chất/vật tư | Đơn vị tính | Số lượng | Phục vụ nội dung thực hành |
|  | Trang thiết bị |  |  |  |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |
|  | Vật tư, hoá chất |  |  |  |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| …. |  |  |  |  |

1. Giảng viên tham gia giảng dạy học phần *[ghi Họ và tên, học hàm, học vị, đơn vị công tác của tất cả giảng viên được phân công giảng dạy học phần ở tất cả các lớp]*
   * Giảng viên giảng dạy lý thuyết:
   * Giảng viên giảng dạy thực hành:
2. Các tài liệu học tập/tham khảo

**Tài liệu phải đọc:**

**…**

**Tài liệu nên đọc:**

**…**

#### Một số trang Web hữu ích:

…

*[Lưu ý: Đối với tài liệu phải đọc: ghi tối đa 3 tài liệu, đối với tài liệu nên đọc: ghi tối đa 5 tài liệu. Các tài liệu xếp theo thứ tự ABC, tài liệu tiếng Việt ghi trước, tiếng Anh ghi sau. Nếu là các bài báo cần cập nhật trong vòng 5 năm tính đến thời điểm tổ chức giảng dạy lớp học phần.]*

1. Phương pháp dạy-học: *[Liệt kê các phương pháp dạy-học sử dụng trong học phần]*
2. Phương pháp đánh giá:

* **Điều kiện được thi kết thúc học phần*: [****Nêu rõ điều kiện được thi kết thúc học phần]*
* **Đánh giá quá trình (***tỷ lệ %) : [Nêu cách thức đánh giá quá trình và tỷ lệ điểm]*
* **Đánh giá kết thúc học phần** *(tỷ lệ %): [Nêu cách thức đánh giá kết thúc học phần và tỷ lệ điểm]*
* **Công thức tính điểm Trung bình học phần :**
* ***Nguyên tắc đánh giá/chấm điểm*** *xem trong phụ lục 3.*
* ***Các tiêu chí cho điểm (rubrics)*** *xem trong phụ lục 4.*

*Lưu ý: - Mỗi học phần từ 2 tín chỉ trở lên phải có tối thiểu 2 điểm thành phần (bao gồm điểm đánh giá quá trình và điểm đánh giá kết thúc học phần)*

*- Mỗi học phần phải có tối thiểu 1 bài đánh giá cá nhân*

*- Cần ghi rõ điều kiện được tham gia thi kết thúc học phần; số lượng điểm thành phần; hình thức đánh giá các điểm thành phần; tỷ trọng của các điểm thành phần. Đánh giá quá trình được ký hiệu: KT1, KT2…KTn; Điểm thái độ được ký hiệu: TD; Điểm thi kết thúc học phần được ký hiệu: THI; Điểm trung bình học phần được ký hiệu: TBM]*

**Điều phối học phần***:[ ghi rõ thông tin điều phối viên của lớp học phần gồm họ và tên, học hàm, học vị, địa chỉ hòm thư điện tử, điện thoại liên hệ không để phần ký ở 1 trang riêng không có nội dung của đề cương]*

Họ tên:

E-mail:

Điện thoại:

Di động:

*Hà Nội, ngày / / 20….*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA**  *(ký tên, ghi rõ họ và tên)* | **TRƯỞNG BỘ MÔN**  *(ký tên, ghi rõ họ và tên)* | **ĐIỀU PHỐI**  **HỌC PHẦN**  *(ký tên, ghi rõ họ và tên)* |

**PHỤ LỤC 1. MA TRẬN LIÊN KẾT GIỮA CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN, CHUẨN ĐẦU RA BÀI HỌC, NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần (CLO)** | **CĐR bài học (LLO)\*** | **Nội dung** | **Thời lượng (số giờ thực tế)** | **Phương pháp đánh giá\*\*** | **Phương pháp dạy-học\*\*\*** | **Phương tiện/tài liệu học tập** |
| **BÀI 1** | | | | | | |
| CLO1 | LLO1:… | Nội dung 1 |  | **1** | **2** |  |
| Nội dung 2 |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |
| LLO#:…. | Nội dung 3 |  |  |  |  |
| Nội dung 4 |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |
| CLO2 | LLO#: …. |  |  |  |  |  |
| LLO#: …. |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |
| **….** | … |  |  |  |  |  |
| **BÀI 2** | | | | | | |
| CLO3 | LLO#:… |  |  |  |  |  |
| LLO#:… |  |  |  |  |  |
| … | … |  |  |  |  |  |

**Ghi chú:** *\*Ghi mã và nội dung chuẩn đầu ra bài học . \*\* 1: Kiểm tra/thi trắc nghiệm; 2. Kiểm tra/thi trắc nghiệm và trả lời câu hỏi ngắn; 3: Kiểm tra/thi tự luận; 4: Kiểm tra/thi vấn đáp thông thường (câu hỏi vấn đáp trong NHCH); 5. Kiểm tra/thi vấn đáp nâng cao (câu hỏi vấn đáp dựa trên bệnh án/ca bệnh/tình huống) 6: Tiểu luận/bài tập cá nhân; 7: Tiểu luận/bài tập nhóm; 8: Luận văn/khoá luận/đồ án; 9: Báo cáo thực hành/thực tập; 10: Nhật ký thực hành/thực tập (portfolio); 11: Đánh giá kỹ năng thực hành qua giải quyết tình huống (OSPE, OSCE); 12: Kiểm tra/thi đánh giá kỹ năng thực hành đơn thuần (không qua giải quyết tình huống); 13. Đánh giá kỹ năng thực hành trên mẫu bệnh; 14. Khác (ghi rõ tên phương pháp và mô tả phương pháp).* **\*\*\****Các phương pháp dạy-học bao gồm:**1: Thuyết trình; 2: học tập dựa trên tình huống/vấn đề (cá nhân/nhóm); 3: thực hành/đóng vai trên lớp; 4: Thực hành tại phòng thực hành/thí nghiệm tại trường; 5: Kiến tập tại bệnh viện, cơ sở thực tập; 6: Thực hành/thực tập tại bệnh viện, cơ sở thực tập; 7. Tự học; 8. Khác (ghi rõ tên phương pháp và mô tả phương pháp)*

**PHỤ LỤC 2. LỊCH TRÌNH DẠY – HỌC**

| **Bài** | **Nội dung** | **Tổng số tiết** | **Thời gian (số giờ thực tế)** | | | | | **Hoạt động của giảng viên** | **Hoạt động của học viên** | **Phương tiện/tài liệu học tập** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Dạy-học lý thuyết trực tiếp hoặc trực tuyến (synchronous)** | **Học tập trên diễn đàn (asynchrous)** | **Thực hành tại phòng thực hành/ thí nghiệm** | **Thực hành/thực tập tại bệnh viện/cơ sở thực hành ngoài trường** | **Tự học** |
| **1** | **Bài 1. …** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Nội dung 1:… |  |  |  |  |  |  |  | VD:   * Nghe giảng * Thảo luận * Tự học (ghi rõ nội dung tự học) |  |
|  | Nội dung 2:… |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Bài 2. ….** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Nội dung 1:.. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Nội dung 2… |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **3** | **Bài 3..** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Tổng số |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

*Ghi chú - Một giờ chuẩn tương đương với 50 phút giảng lý thuyết*

* *Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của sinh viên, bao gồm 15 giờ giảng (bao gồm cả thảo luận, thực hành đóng vai trên lớp), hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm hoặc 45h thực hành/thực tập tại các cơ sở thực hành/bệnh viện và phần còn lại là giờ tự học.*

**PHỤ LỤC 3. MA TRẬN LIÊN KẾT GIỮA CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Phương pháp đánh giá***  ***Chuẩn đầu ra học phần*** | **Kiến thức** | | **Kỹ năng** | | **Năng lực tự chủ và trách nhiệm** | |
| **Mức năng lực** | **Phương pháp đánh giá** | **Mức năng lực** | **Phương pháp đánh giá** | **Mức năng lực** | **Phương pháp đánh giá** |
| ***CLO1:*** | /6 |  | /5 |  | /5 |  |
| ***CLO2:*** |  |  |  |  |  |  |
| ***CLO3:*** |  |  |  |  |  |  |
| ***CLO4:*** |  |  |  |  |  |  |
| ***……*** |  |  |  |  |  |  |

*Ghi chú: Điểm mức độ yêu cầu theo thang năng lực Bloom: Kiến thức (1-6), Dave: Kỹ năng (1-5), Krathwohl: đạo đức và trách nhiệm (1-5)*

**PHỤ LỤC 4. CÁC TIÊU CHÍ CHO ĐIỂM (RUBRICS)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài kiểm tra cá nhân số # : Hình thức …. câu hỏi MCQ/ trả lời ngắn.**  **Nội dung đánh giá:**   * **Nội dung 1:** * **Nội dung 2:**   **…** | | | | | |
| **Mức xếp loại** | A | B | C | D | F |
| **Khoảng điểm** | 8,5-10 | 7,0-8,4 | 5,5-6,9 | 4,0-5,4 | <4,0 |
| ***CLO1:*** | *[mô tả rõ yêu cầu về mức chất lượng cần đạt được tương ứng với CLO1 và sau đó là số câu hỏi cần trả lời đúng tương ứng với mức chất lượng yêu cầu đó. Ví dụ: liệt kê đầy đủ các nội dung của các khái niệm cơ bản về Thực phẩm chức năng; Trả lời đúng 3-4 câu trên tổng số 10 câu ]* |  |  |  |  |
| ***CLO2:*** |  |  |  |  |  |
| ***CLO3:*** |  |  |  |  |  |
| ***CLO4:*** |  |  |  |  |  |
| ***Tổng số câu trả lời đúng*** |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài trình bày cá nhân/ theo nhóm số :3**   * Hình thức: Sinh viên làm bài trình bày cá nhân hoặc Chia sinh viên thành nhóm …. người/nhóm. Làm 1 bài trình bày (bằng powerpoint…..) cá nhân/theo nhóm với chủ đề cho trước và trình bày trước lớp trong vòng …… * Chủ đề bài trình bày: | | | | | |
| **Mức xếp loại** | A | B | C | D | F |
| **Khoảng điểm** | 8,5-10 | 7,0-8,4 | 5,5-6,9 | 4,0-5,4 | <4,0 |
| ***CLO1:*** | *[mô tả rõ yêu cầu về mức chất lượng cần đạt được để đạt số điểm tương ứng]* |  |  |  |  |
| ***CLO2:*** |
| ***CLO3:*** |
| ***CLO…:*** |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài tiểu luận hết môn:**   * Hình thức: … * Chủ đề bài viết:… | | | | | |
| **Mức xếp loại** | A | B | C | D | F |
| **Khoảng điểm** | 8,5-10 | 7,0-8,4 | 5,5-6,9 | 4,0-5,4 | <4,0 |
| ***CLO1:*** | *[mô tả rõ yêu cầu về mức chất lượng cần đạt được để đạt số điểm tương ứng]* |  |  |  |  |
| ***CLO2:*** |
| ***CLO3:****.* |
| ***CLO..:*** |

**PHỤ LỤC 5. THANG ĐO ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC KIẾN THỨC, KỸ NĂNG VÀ MỨC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Lĩnh vực về nhận thức*** | Bloom, 1956 | - Ghi nhớ (khả năng khôi phục, ghi nhận và nhớ lại kiến ​​thức có liên quan. Hay nói cách khác, ghi nhớ là khi sinh viên có thể nhắc lại các thông tin, kiến thức đã học) | - Hiểu (khả năng diễn đạt ý nghĩa của thông điệp bằng miệng, văn bản hay hình ảnh. Hiểu không chỉ đơn thuần là nhắc lại một thông điệp nào đó. Chúng ta cần thể hiện sự hiểu biết của mình thông qua diễn giải, nêu gương, phân loại, tóm tắt, suy luận, so sánh và giải thích) | - Áp dụng (khả năng vận dụng các thông tin, kiến thức đã học vào một tình huống, thí nghiệm nào đó) | - Phân tích (khả năng chia thông tin, kiến thức thành các phần nhỏ, sau đó xác định cách các phần nhỏ đó liên quan với nhau và với một cấu trúc hoặc mục đích tổng thể) | - Đánh giá (khả năng chia thông tin, kiến thức thành các phần nhỏ, sau đó xác định cách các phần nhỏ đó liên quan với nhau và với một cấu trúc hoặc mục đích tổng thể) | - Sáng tạo (khả năng ghép các kiến thức, thông tin đã có lại với nhau để tạo thành một cấu trúc hay định lý mới) |
|  | **K1** | **K2** | **K3** | **K4** | **K5** | **K6** |
| **Lĩnh vực về tâm vận động (kỹ năng)** | Dave, 1975 | - Bắt chước có quan sát: Quan sát và lặp lại có sự hiện diện của nguồn mẫu | - Làm lại theo cấu trúc nội tâm: Làm được khi được hướng dẫn | - Chính xác hóa hoạt động của cơ bắp: Thể hiện lại một cách chính xác các hoạt động, thao tác mà không có nguồn mẫu | - Hoàn thiện thứ tự các hoạt động: Hai hoặc nhiều kỹ năng được kết hợp có trình tự và được thực hiện một cách nhất quán | - Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới: Hai hoặc nhiều kỹ năng được kết hợp có trình tự và thực hiện nhất quán, dễ dàng. Tựu động thể hiện được với ít sự gắng sức về thể chất hoặc tinh thần |  |
|  | **S1** | **S2** | **S3** | **S4** | **S5** |  |
| ***Lĩnh vực về cảm xúc*** | Krathwohl, Bloom & Masia, 1973 | Chú ý lắng nghe, quan sát và cảm nhận | - Tiếp nhận hiện tượng: Tham gia vào các hoạt động học tập một cách tích cực thông qua trao đổi, giao tiếp, báo cáo... | - Phản ứng với hiện tượng: Nhận thấy giá trị của các yếu tố trong học tập và làm việc và thể hiện ra ngoài bằng các hành động cụ thể nhằm cải thiện, nâng cao chất lượng | - Chấp nhận giá trị (Valuing): Nhận ra giá trị cao nhất và tạo ra những hệ thống có giá trị nhất so với các giải pháp khác. | - Tổ chức, Ứng xử: Biến những giá trị thực tiễn thành động lực điều chỉnh hành vi. |  |
|  | **A1** | **A2** | **A3** | **A4** | **A5** |  |